

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ VĂN CƯỜNG

**KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA LÀNG VÂN
(XÃ VÂN HÀ, HUYỆN VIỆT YÊN,
TỈNH BẮC GIANG) THẾ KỶ XVII- XIX**

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 62.22.03.13

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2017

Công trình được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: **GS. TS. Nguyễn Quang Ngọc**

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Ngọc Cơ

Phản biện 2: PGS.TS. Trần Đức Cường

Phản biện 3: PGS.TS. Trịnh Vương Hồng

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Vào hồi giờ..... ngàytháng năm 2017

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

- Trong lịch sử Việt Nam, làng xã có vai trò quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Hiện nay, các yếu tố nông dân, nông nghiệp, nông thôn tiếp tục có vị trí quan trọng chi phối nhiều mặt của đời sống xã hội. Do vậy, việc nghiên cứu làng Việt Nam luôn được coi là đề tài và xu hướng nghiên cứu cơ bản trong sử học, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học ở cả trong và ngoài nước.

- Thành tựu nghiên cứu về làng xã Việt Nam đạt được thành tựu to lớn, tuy vậy chỉ là bước đầu và chưa đáp ứng được đòi hỏi cao của thực tiễn công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và công cuộc xây dựng nông thôn mới.

- Làng Vân là làng cổ truyền nằm ở phía Bắc của xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Về kinh tế, làng Vân có sự kết hợp giữa yếu tố nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp. Về văn hóa, làng còn lưu giữ được nhiều nguồn sử liệu, tuy vậy chưa có công trình chuyên khảo về làng Vân.

Nghiên cứu về làng Vân là một nghiên cứu trường hợp. Do vậy, với nghiên cứu này, tác giả mong muốn tìm hiểu sâu sắc hơn về kinh tế, xã hội và văn hóa làng Vân ở thế kỷ XVII – XIX, từ ý nghĩa lý luận và thực tiễn nêu trên, tác giả đã lựa chọn đề tài: *“Kinh tế, xã hội và văn hóa làng Vân (xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) thế kỷ XVII - XIX”*, làm Luận án Tiến sĩ Lịch sử của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Phân tích, mô tả kinh tế, xã hội và văn hóa làng Vân từ thế kỷ XVII - XIX, qua đó làm rõ mối quan hệ giữa kinh tế, xã hội và văn hóa làng Vân.

- Làm rõ mối liên hệ đồng đại trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa của làng Vân đối với một số làng nghề trong vùng ở cùng thời gian.

- Tìm hiểu xã hội ở làng Vân thế kỷ XVII - XIX.

- Tìm hiểu văn hóa làng Vân thế kỷ XVII - XIX.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng

Lựa chọn làng Vân trong các thế kỷ XVII, XVIII, XIX làm đối tượng nghiên cứu, chúng tôi tập trung khảo tả và phục dựng một cách khách quan, trung thực bức tranh kinh tế, xã hội và văn hóa làng Vân thế kỷ XVII, XVIII, XIX, làm cơ sở đánh giá những chuyển biến và con đường phát triển của làng Vân trong thời kỳ Cận - hiện đại.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, không gian nghiên được giới hạn là làng Vân, từ thế kỷ XVII - XIX có đơn vị hành chính là xã Yên Viên, tổng Tiên Lát, huyện Yên Việt (năm 1820 huyện Yên Việt đổi tên là huyện Việt Yên). Ngày nay, làng Vân có đơn vị hành chính là thôn Yên Viên, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Về thời gian, Luận án nghiên cứu về làng Vân với thời gian từ thế kỷ XVII - XIX. Trong khi nghiên cứu, chúng tôi có đề cập đến phần nào khoảng thời gian cận kề nhằm làm sáng tỏ hơn về làng Vân thế kỷ XVII - XIX.

Về nội dung, Luận án tìm hiểu làng Vân từ thế kỷ XVII - XIX về những nét cơ bản nhất, đặc trưng nhất trong lĩnh vực nghiên cứu về kinh tế, xã hội và văn hóa.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận

Luận án sử dụng phương pháp luận mác xít. Nhìn nhận kinh tế, xã hội và văn hóa trong mối quan hệ ràng buộc, tương tác với nhau. Lĩnh vực xã hội, văn hóa có cơ sở của kinh tế và tác động trở lại kinh tế.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp sử học và phương pháp lô gíc được sử dụng xuyên suốt trong quá trình thực hiện.

- Phương pháp hồi cố, sử dụng phương pháp hồi cố sẽ góp phần phục dựng hiện thực lịch sử làng Vân thế kỷ XVII - XIX, nhưng có mặt hạn chế của nó là dễ dẫn đến suy diễn quá xa mà bản thân tư liệu không cho phép.

- Phương pháp nghiên cứu điền dã, thực địa nhằm tiếp cận, khai thác nguồn sử liệu có ở địa phương như văn bia, hệ thống công trình kiến trúc nhà ở, tôn giáo, tín ngưỡng, văn tự, gia phả, truyền thuyết, thần tích, ca dao tục ngữ.

- Phương pháp hệ thống - cấu trúc, làng Vân được coi như một hệ thống riêng gồm những yếu tố hợp thành như Kinh tế, văn hóa, xã hội... Trong mỗi yếu tố lại có các yếu tố nhỏ hơn. Đồng thời, tác giả Luận án chú ý đến những mối liên hệ ngoài hệ thống, hay mối liên hệ ngoài cấu trúc.

- Phương pháp nghiên cứu liên ngành như khảo cổ học, văn bản học, phê phán sử liệu, thống kê định lượng... kết hợp với phương pháp nghiên cứu chuyên ngành nhằm làm rõ chân giả, niên đại, giá trị thông tin từ sử liệu để đạt được hiệu quả khi thực hiện Luận án.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Luận án góp phần nhận thức đầy đủ, toàn diện hơn về chủ đề làng ở Việt Nam và làng Vân.

- Lần đầu tiên, qua luận án các lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa làng Vân thế kỷ XVII - XIX được nghiên cứu toàn diện trên cơ sở hệ thống các tài liệu. phong phú và đa dạng, đáng tin cậy được khảo sát, sưu tầm, nghiên cứu ở trong và ngoài làng Vân. Trong đó có nhiều tài liệu mới được phát hiện và nghiên cứu.

- Làng Vân từ thế kỷ XVII - XIX có nhiều nét đa dạng, đặc sắc về kinh tế, văn hóa, xã hội. Đồng thời, những nét riêng trên đã hòa nhập vào mối quan hệ với các làng trong khu vực về kinh tế, xã hội và văn hóa.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án khi hoàn thành sẽ có thêm một công trình nghiên cứu về lịch sử làng xã ở tỉnh Bắc Giang và lịch sử làng xã trong phạm vi toàn quốc.

- Làm cho nhân dân làng Vân thêm hiểu sâu sắc và tự hào về làng quê của mình.

- Kết quả của Luận án có thể được sử dụng trong việc nghiên cứu, tìm hiểu làng xã, nông thôn xứ Bắc trong lịch sử, là nguồn tài liệu tham khảo trong việc nghiên cứu, biên soạn, giáo dục, truyền về lịch sử địa phương.

- Luận án sẽ góp thêm luận cứ khoa học cho việc đề ra các chính sách, giải pháp đối với phát triển làng nghề, đối với quản lý xã hội ở nông thôn; bảo tồn, phát huy các giá trị di sản lịch sử, văn hóa, đồng thời góp phần vào công việc xây dựng nông thôn mới đang diễn ra.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận* và *Tài liệu tham khảo*, nội dung của Luận án được trình bày trong 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề.

Chương 2: Kinh tế.

Chương 3: Xã hội.

Chương 4: Văn hóa.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu về làng xã Việt Nam

1.1.1. Các công trình của tác giả người nước ngoài

- Chủ đề về làng Việt đã được nghiên cứu từ thế kỷ XVII bắt đầu từ tác giả nước ngoài. Cho đến nay, làng Việt luôn là đối tượng nghiên cứu của nhiều chuyên ngành trong đó có sử học.

- Tác giả đã tiếp cận 19 công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài nghiên cứu về làng Việt. Trong đó làng Việt được tiếp cận với đối tượng của nhiều khoa học như xã hội học, dân tộc học, văn hóa học, sử học. Xu thế nghiên cứu sử học về một làng Việt cụ thể đang được quan tâm.

1.1.2. Các công trình của các tác giả trong nước

- Đầu thế kỷ XX, làng Việt bắt đầu được các tác giả trong nước quan tâm nghiên cứu cho đến ngày nay. Thành tựu nghiên cứu về làng đã có bước chuyển mới về chất về lượng. Công việc nghiên cứu toàn diện với sự tham gia của nhiều nhà khoa học cả trong và ngoài nước ở các chuyên ngành khác nhau, bằng cách tiếp cận, kỹ thuật nghiên cứu hiện đại là xu hướng đang phát huy tích cực trong nghiên cứu về làng.

- Những nội dung nghiên cứu về làng là tài liệu tham khảo, cung cấp lý luận, phương pháp nghiên cứu mới và những kiến thức chuyên ngành, nâng cao hơn về nhận thức làng Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại... Tuy đạt được nhiều thành tựu nghiên cứu về làng nhưng nhận thức về làng xã Việt Nam cần tiếp tục được nghiên cứu nhằm đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn.

1.1.3. Các chương trình hợp tác nghiên cứu về làng Việt của các tác giả trong và ngoài nước.

- Trong quá trình đổi mới và hội nhập đã tạo điều kiện cho quá trình hợp tác nghiên cứu của các tác giả trong nước với ngoài nước với nhiều chương trình nghiên cứu hợp tác nghiên cứu về làng Việt.

- Các nhà khoa học đã sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành. Đây là xu thế nghiên cứu mới nhằm tiếp cận liên ngành, đa chiều hơn về làng Việt nhằm nhận thức toàn diện, đầy đủ, khách quan hơn về làng Việt.

1.2. Làng Vân và tình hình nghiên cứu về làng Vân

1.2.1. Khái quát về làng Vân

- Làng Vân thuộc xã Vân Hà (Xã Vân Hà có 3 làng gồm làng Vân, Thổ Hà, Nguyệt Đức). Xã Vân Hà là một trong 19 xã, thị trấn của huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Với vị trí trung tâm của huyện Yên Việt, có giao thông đường sông, đường bộ thuận lợi, và sự phát triển của kinh tế thủ công nghiệp, thương nghiệp tác động đến sự phát triển của làng Vân, đồng thời cũng chính yếu tố này làm cho kinh tế, xã hội và văn làng Vân có nhiều đặc sắc.

1.2.2. Tình hình nghiên cứu về làng Vân

- Làng Vân sớm được phản ánh qua các sách địa chí, các thư tịch ở địa phương.

- Đến thế kỷ XX, làng Vân được đề cập đến ở một số lĩnh vực như sử học, văn học dân gian, Hán nôm, dân tộc học.

- Làng Vân đã được đề cập đến từ sớm nhưng do đối tượng tiếp cận làng Vân trong khuôn khổ có hạn nên hiểu biết về làng Vân còn sơ lược. Các tài liệu đề các tác giả sử dụng phần nhiều là tài liệu truyền thuyết, một số tài liệu văn bản văn bia nhưng chưa sưu tầm đầy đủ. Trong khi làng Vân có một hệ thống tài liệu Thư tịch tương đối phong phú, đa dạng với 107 văn bia, các di tích, hiện vật, sách Hán Nôm ghi chép về các sự lệ của làng, một bản kinh...

1.3. Một vài nhận xét về tình hình nghiên cứu các vấn đề liên quan đến luận án

- Với tầm quan trọng đặc biệt của làng trong không gian lịch sử, văn hóa Việt Nam, càng ngày các nhà nghiên cứu được tiếp cận, có đầy đủ hơn về các nguồn sử liệu, đồng thời được trang bị phương pháp nghiên cứu hiện đại hơn, rút ra nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu của người đi trước, từ đó thành tựu nghiên cứu về làng xã đã đạt được nhiều kết quả khả quan.

- Những thành tựu nghiên cứu chỉ là bước đầu, cần phải tiếp tục thực hiện nghiên cứu, vì mỗi làng xã là một thực thể riêng.

- Làng Vân đã được giới thiệu, nghiên cứu về một số khía cạnh trên các sách, các công trình nghiên cứu tiếp cận ở nhiều chuyên ngành khác nhau như Dân tộc học, Văn hoá học, Hán nôm...

- Làng Vân vừa có yếu tố của một lý sở của huyện, phân phủ, vừa là một làng có sự kết hợp kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp. Đặc biệt, là nghề nấu rượu. Loại hình làng nghề này ít được nghiên cứu cụ thể. Trong các nghiên cứu, các tác giả nghiên cứu về một số khía cạnh của văn hóa làng, chưa nghiên cứu về kinh tế, xã hội làng Vân. Trong khi làng Vân có nguồn sử liệu ở làng Vân phong phú, đa dạng. Chúng tôi dựa vào các nguồn tài liệu phong phú ở làng Vân kết hợp với khảo sát nhằm phục dựng kinh tế, xã hội, văn hóa làng Vân thế kỷ XVII - XIX.

CHƯƠNG 2

KINH TẾ

2.1. Nông nghiệp

2.1.1. Tình hình ruộng đất

- Do địa hình, làng Vân có hai loại ruộng. Loại ruộng thứ nhất ở địa hình cao. Loại hình ruộng thứ hai là ruộng ở đồng trũng. Tổng số ruộng đất làng Vân năm Gia Long thứ 4 (1805) có: 391 mẫu, 6 sào, 2 thước. Đến năm 1916, theo bản đồ làng Vân do chính quyền thực dân Pháp ghi tổng số ruộng đất của làng Vân có 556 mẫu, 8 sào, 6 thước.

- Làng Vân không có ruộng loại 1, rất ít ruộng loại 2. Điều này cho biết ruộng ở làng Vân xấu. Ruộng được chia theo vụ gồm vụ thu và vụ hạ. Ruộng vụ hạ của làng Vân có 34 mẫu, 9 sào, 14 thước, 1 tác là loại ruộng có chất lượng tốt để trồng rau, khoai lang... trong khi đó ruộng vụ thu có 301 mẫu, 6 thước, 9 tác là loại ruộng thường xuyên bị ngập nước.

- Làng Vân có nhiều loại hình ruộng như ruộng công, ruộng tư, ruộng Tam bảo, ruộng giáp... Ruộng công ngày càng bị thu hẹp.

- Sự tích tụ ruộng đất tương đối lớn của địa chủ làng Vân. Mức bình quân ruộng đất của 36 chủ sở hữu ruộng đất với số thửa ruộng và diện tích ruộng lớn, cùng với một số chức sắc và dân trong làng không có ruộng, kết hợp với tài liệu điền dã cho thấy sự thoát ly làm ruộng của một bộ phận lớn người dân trong làng Vân. Tuy sở hữu nhiều ruộng nhưng diện tích ruộng này không đem lại hiệu quả sản xuất do chỉ cấy một vụ nhưng luôn bị ngập nước, khiến cho một bộ phận lớn cư dân làng Vân xâm canh tại Tiên Lát, Thần Chúc hoặc nhiều hộ đã không làm ruộng mà nấu rượu và buôn bán.

2.1.2. Sản xuất nông nghiệp

- Người làng Vân không thạo làm ruộng như các làng xung quanh. Cư dân làng Vân còn một bộ phận giữ ruộng để sản xuất bên cạnh việc nấu rượu là chủ yếu. Để đảm bảo đời sống, người dân trong làng đã đánh bắt cá, cua, tôm... ở sông Cầu và diện tích ruộng bị ngập hằng năm. Đó là nguồn thực phẩm truyền thống không thể thiếu trong đời sống của người dân trong làng.

- Người dân trong làng có trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ nhưng do diện tích đất hạn chế do vậy nghề trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ không phải là nghề chủ yếu, chỉ là nghề phụ giúp đỡ một phần nhỏ của một bộ phận cư dân trong làng.

- Chăn nuôi luôn được kết hợp song hành với trồng trọt và nấu rượu. Trong đó, nuôi lợn được thực hiện và trở thành nghề chăn nuôi chủ yếu từ việc tận dụng bã rượu.

- Đời sống kinh tế của cư dân không chỉ trông chờ vào trồng trọt vốn bấp bênh do đặc điểm của địa hình đồng ruộng quanh năm ngập đã khiến cho bộ phận lớn dân cư trong làng Vân có sự kết hợp giữa làm ruộng, trồng dâu, chăn tằm, nấu rượu, nuôi lợn, buôn bán...

2.2. Thủ công nghiệp

Nghề nấu rượu:

- Theo tài liệu điền dã, người làng Vân cho rằng tổ nghề rượu là bà Nghi Địch, dạy nhân dân làng Vân nghề nấu rượu. Giỗ Thánh sư là bà Nghi Địch vào ngày 7 tháng Giêng.

- Tài liệu hồi cố kết hợp với bản giao ước hai làng Vân và Đồng Gạo cho biết năm Chính Hòa thứ 24 (1703), khi ban sắc cho thành hoàng làng Vân, các chức dịch, hương lão vào kính rước sắc đã mang 3 vò rượu tiến vua. Vua Lê Hy Tông đã ban cho văn võ bá quan trong triều, ai cũng khen ngon, thơm, vua khen và ban: “Vân hương mỹ tửu”.

- Dù cho truyền thuyết có gán cho vị tổ nghề rượu làng Vân có hàng nghìn năm trước nhưng có điều cốt lõi là ít nhất vào đầu thế kỷ XVIII, nghề rượu đã trở thành nghề truyền thống hưng thịnh ở làng Vân.

- Mỗi gia đình trong làng đều có bí quyết nấu rượu từ các loại men khác nhau. Bài thuốc làm men riêng của mỗi nhà nhưng đều dùng các loại thuốc Bắc. Việc bảo toàn bí quyết nấu rượu, làm men được coi là “Vấn đề sinh tử” của mỗi gia đình.

- Làng Vân có tục thờ, còn gọi là “Minh thệ” để thờ không truyền nghề nấu rượu ra ngoài. Tiến hành thệ vào ngày xấu nhất của tháng Giêng hằng năm.

- Rượu được dân làng dùng trong các ngày tiết lễ ở gia đình, dòng họ, ở làng và chủ yếu đem bán. Rượu là thứ uống không thể thiếu trong sinh hoạt ở làng xã từ việc thực hiện các nghi lễ cúng, tế ở đình, đền và gia đình. Đồng thời, rượu còn phổ biến trong các việc lễ hội, hiếu, việc hi...chính vì thế nhu cầu có rượu ngon gần như trở thành tiêu chí trong văn hóa ẩm thực và lễ nghi. Nhu cầu về rượu đã tác động đến việc sản xuất rượu.

- Chính sách với nghề rượu trải qua thời gian đều có sự khác nhau. Vì thế làng Vân luôn phải đối phó với chính sách cấm rượu và hạn chế nghề rượu. Khi triều đình cấm rượu, đời sống kinh tế làng Vân đã chịu nhiều tác động. Hoạt động thương nghiệp chịu nhiều ảnh hưởng bởi chính sách cấm

rượu. Từ đó cũng ảnh hưởng đến ly sở huyện Việt Yên vào cuối thế kỷ XIX không ở làng Vân. Thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII, nghề nấu rượu của làng Vân đã phát triển mạnh mẽ dựa trên nền tảng của sản xuất nông nghiệp với nguyên liệu là gạo, kích thích cho chăn nuôi lợn, đồng thời tác động đến sự trao đổi mua bán.

2.3. Thương nghiệp

- Thế kỷ XVII, kinh tế hàng hóa, thủ công nghiệp ở Vân Hà thế kỷ XVII phát triển kéo theo nhu cầu giao thương buôn bán với các nơi tại chợ, bến đò ở Vân. Chợ làng Vân ra đời cùng thời điểm với nhiều chợ ở xứ Bắc phản ánh nhu cầu tự thân của nền kinh tế hàng hóa. Trong khi đó chính quyền nhà nước dù điều chỉnh chính sách đối với thuế chợ, thuế bến đò những không phải lúc nào cũng hiệu quả.

- Trong bối cảnh ấy, chợ Tam bảo làng Vân cùng với một số chợ Tam bảo ở Ngọc Lâm, Nhâm Nghiên, Thổ Hà... đã ra đời và phát triển. Tình hình phát triển kinh tế tác động đến sự ra đời của chợ Tam bảo làng Vân vào năm Khánh Đức thứ 3 (1651). Chợ làng Vân là nơi trao đổi hàng hóa diễn ra sôi động. Do sự phát triển của kinh tế hàng hoá, nền tảng là thủ công nghiệp với nghề nấu rượu, có vị trí thuận lợi cho việc buôn bán bằng đường sông nên việc ra đời chợ Tam bảo. Tại chợ Vân, cư dân trong làng bán rượu của làng mình, đồng thời cũng mua gạo ở các nơi mang đến bán.

- Làng Vân có 7 bến trong đó có bến Đình, vị trí trước cửa chùa, đình và đền Trung là bến to nhất. Tại các bến này vào thế kỷ XVII - XIX đều là nơi thông thương trên bến dưới thuyền để chở hàng hóa giao lưu.

- Chính sách thuế của chúa Trịnh ở thế kỷ XVIII đã tác động đến tình hình thương nghiệp làng Vân, làm cho công việc buôn bán trao đổi hàng hóa ngày càng trở nên sầm uất. Lợi dụng vào đó, bộ phận chức sắc làng xã mở các bến để trục lợi.

- Do tình hình thương nghiệp phát triển, tình hình cho vay lấy lãi đã phát triển và phổ biến ở Vân. Rất nhiều văn bia đã phản ánh tình hình cung tiền, công đức sau đó số tiền này đã được cho vay lãi. Số lãi được chi dùng vào nhiều mục đích khác nhau.

- Từ là ly sở của huyện Yên Việt, phân phủ Thiên Phúc, do vậy những điều kiện trên cùng với chính sách của triều đình phong kiến và các yếu tố nội sinh của kinh tế làng Vân đã tác động đến tình hình thương nghiệp của làng Vân từ thế kỷ XVII - XIX. Với hệ thống chợ trên các dòng sông là đặc điểm của kinh tế thương nghiệp ở các thế kỷ XVII - XIX, trong

đó làng Vân thuộc hệ thống giao thương này, với vị trí là lỵ sở của huyện càng tạo điều kiện cho làng Vân trở thành trung tâm kinh tế của huyện.

Tiểu kết chương 2

- Với diện tích ruộng đất ít hơn các làng xung quanh, mặc dù sở hữu lớn về ruộng đất nhưng chất lượng ruộng xấu, chỉ cấy một vụ lại thường xuyên bị ngập, diện tích ruộng đất tốt rất ít, hiệu quả của sản xuất kém đã tác động đến việc người dân làng Vân đã sớm phải lo kế mưu sinh phù hợp, từ đó ra đời nghề nấu rượu phù hợp với điều kiện của làng.

- Sự kết hợp phù hợp giữa nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp mà cư dân làng Vân đã lựa chọn cho sự phát triển của mình ở thế kỷ XVII - XIX. Hoạt động kinh tế làng Vân thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX phát triển hưng thịnh. Giữa thế kỷ XIX trở đi do chính sách hạn chế nấu rượu của triều vua Tự Đức đã tác động đến việc phát triển nghề và ảnh hưởng trực tiếp đến nghề mưu sinh của làng.

- Nền tảng kinh tế với sự kết hợp nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp đã tạo cho làng Vân có yếu tố động, yếu tố mở với nhiều nơi. Trở thành lỵ sở của huyện Yên Việt (sau đó là huyện Việt Yên), sau đó là phân phủ Thiên Phúc càng tạo điều kiện cho làng Vân là trung tâm kinh tế của huyện lỵ, là một cảng thị của vùng giúp cho yếu tố mở của làng Vân ra các vùng xung quanh. Những yếu tố kinh tế đa dạng trên sẽ trở thành nhân tố tác động chủ yếu đến xã hội, văn hóa làng.

CHƯƠNG 3

XÃ HỘI

3.1. Tổ chức quản lý làng xã

3.1.1. Bộ máy quản lý làng xã

- Làng Vân là nơi “Nhất làng, nhất xã, nhất thôn”. Thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XVIII, đứng đầu (xã Yên Viên) là Xã trưởng. Dưới xã là Thôn trưởng. Đến nửa đầu thế kỷ XIX, đứng đầu là Lý trưởng, dưới là Thôn trưởng. Mọi công việc trong xã đều do Xã trưởng, sau đó là Lý trưởng chịu trách nhiệm. Giúp việc cho Xã trưởng, sau đó là Lý trưởng có Phó xã trưởng, Phó lý trưởng. Bộ máy làng xã ngày càng hoàn thiện với nhiều vị trí.

- Đối với làng Vân, ngoài yếu tố làng còn có yếu tố của trung tâm hành chính của huyện Yên Việt và phân phủ Thiên Phúc.

- Hội đồng kỳ dịch hay Hội đồng kỳ mục với chức trách là đề ra các chủ trương và biện pháp để làm tròn việc làng, việc nước. Đứng đầu Hội đồng kỳ mục là Tiên chỉ (Viên mục). Những chức dịch hay lý dịch gồm

những người được cử ra để thừa hành mệnh lệnh của Hội đồng kỳ mục. Đứng đầu là Xã trưởng (Lý trưởng), rồi đến Phó lý, đóng vai trò quan trọng trung gian giữa xã thôn và quan trên (huyện, tỉnh, phủ).

- Bộ phận chức dịch tham gia kê khai ruộng đất, trình báo với cấp, đồng thời đốc thúc thu thuế, các công việc phu dịch như đào sông, đắp đê...

- Bộ phận quản lý làng xã tổ chức và thực hiện các nghi lễ, trực tiếp biên soạn, duyệt, sửa lệ làng qua hương ước, đồng thời phân công, đôn đốc, kiểm tra và xử lý thực hiện những điều lệ ấy.

- Từ thế kỷ XVII - XIX, bộ máy của làng Vân càng ngày càng hoàn thiện và cũng trở nên công kênh, trì trệ. Bên cạnh những tích cực còn có những cản trở, sách nhiễu đối với nhân dân.

3.1.2. Tính tự quản của làng xã qua hương ước

- Văn bản sớm nhất phản ánh về hương ước là *Nhị xã giao ước* (二 社 交 約) được ghi trong sách *Yên Viên xã tục lệ* (安 園社俗例), ghi hai làng Yên Viên và Đồng Gạo lập giao ước vào ngày 10 tháng 2 năm Chính Hòa thứ 26 (1705).

- Thẻ loại văn bia có tổng số gồm 85/107 (tỷ lệ 79,4 %) là bia lập, bầu Hậu, gửi giỗ không có tiêu đề về hương ước, giao ước... nhưng qua nội dung các văn bia này đều có nội dung giao ước giữa chủ thẻ là đại diện của nhà chùa, chức dịch làng xã với một bên là đối tượng xin bầu Hậu. Từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII, các đối tượng bầu Hậu đều giao ước với nhà chùa về sổ ruộng, tiền công đức, khắc bia, ngày gửi giỗ, tên hiệu của Hậu và phối hưởng... đồng thời nhà chùa cam kết nhận cúng giỗ. Đến giữa thế kỷ XVIII, đại diện của chức dịch, kỳ lão hoặc giáp trong làng Vân đã đứng ra cam kết với đối tượng xin bầu Hậu.

- Xét theo chiều thời gian từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX có nhiều quan hệ phát sinh nên để điều chỉnh những quan hệ đó, bộ phận chức dịch, kỳ lão làng xã luôn phải suy tính về các công việc để có thể dễ dàng điều hành những việc nảy sinh và làm mọi người phải tuân theo để bảo vệ tục lệ, bảo vệ nghề rượu.

3.2. Kết cấu cư dân

- Làng Vân phổ biến với kết cấu giai tầng với 4 thành phần: sĩ, nông, công, thương. Bài văn "*Mục lục cổ thể*" được ghi trong sách *Yên Viên xã tục lệ* (安 園社俗例) đã phản ánh điều này: "Áp ta có tiếng, từ xưa từ dân yên vui" [217].

Sĩ: Tầng lớp "sĩ" phong phú với nhiều đối tượng. Họ là những người có học vị như Tú tài, Cử nhân, Khóa sinh, Giám sinh, có chức sắc

như Xã trưởng, Chánh tổng... Họ còn là nhà sư. Với các vị trí, vai trò khác nhau trong việc tham gia của họ vào công việc của làng xã., nhóm các kẻ sĩ được thể hiện phong phú qua văn bia, họ là những người viết chữ, soạn văn bia, văn tế....

Nông: Dù một số hộ nông dân không làm ruộng trong khi đó việc nấu rượu, nuôi lợn, buôn bán chưa đủ lớn mạnh để họ có thể thoát khỏi hoàn toàn với làm ruộng, vì vậy họ đã cho thuê ruộng. Bên cạnh một bộ phận không làm ruộng, không nhiều ruộng vẫn còn một bộ phận xâm canh ruộng ở Thần Chúc, Tiên Lát.

- Hai thành phần “công”, “thương” là những người không trực tiếp làm nông nghiệp mà chủ yếu nấu rượu, buôn bán. Trong một gia đình có nhiều thành phần sĩ, nông, công, thương. Một con người có thể là nhiều thành phần có thể vừa là kẻ sĩ, vừa là nhà nông...

3.3. Các loại hình tổ chức và tập hợp cư dân của làng xã

3.3.1. Xóm

- Qua tài liệu điền dã cho biết làng Vân trước có 4 xóm: gồm xóm Thượng, Trung, Đông, Giữa. Các xóm được phân chia theo nơi ở của dân cư theo vị trí địa lý của làng.

- Xóm ngõ ở giữa một bên là sông được ngăn cách bởi hệ thống ao, bãi dâu. Cuối mỗi xóm đều có lũy tre làng ngăn cách với các cánh đồng.

- Trong 4 cầu của 4 xóm là nơi tập hợp mọi sinh hoạt của xóm, còn là nơi tuần phiên canh gác bảo vệ xóm, bảo vệ làng. Dân cư trong làng được tập hợp theo tự nhiên xóm ngõ.

- Cuối thế kỷ XIX, làng Vân có 43 ngõ với 308 hộ gia đình. Ngõ nhiều nhất có 24 hộ gia đình. Ngõ ít nhất có 2 hộ gia đình. Trung bình một ngõ có từ 7,1 gia đình.

3.3.2. Giáp

- Số lượng và tên các giáp được phản ánh qua 10 văn bia ở làng Vân, trong đó có 8/107 (tỷ lệ 7,47%) văn bia của tổ chức Giáp. Làng Vân có 4 giáp Thượng, Giữa, Đông, Trung.

- Nam giới từ 6 tuổi đã có thể tham gia hoạt động của giáp. Gia đình phải chuẩn bị lễ để trình xin vào giáp. Trong mỗi giáp có một Trưởng giáp đứng đầu. Giáp còn là đơn vị để tổ chức thực hiện việc chuẩn bị lễ thờ cúng thành hoàng và thu thuế, đảm nhiệm việc bảo vệ trật tự, trị an trong làng, là đơn vị để phân chia ruộng đất dưới chế độ phong kiến.

- Giáp được phân theo địa vực của làng theo sông Cầu. Mỗi xóm đều có 1 cầu chính và 1 cầu phụ. Cầu của giáp hay còn gọi là điểm là nơi tổ

chức các cuộc họp bàn của từng giáp. Những hoạt động của giáp được phản ánh qua văn bia đó là hiện tượng bầu Hậu giáp, lập bia thờ Hậu giáp.

- Ruộng của giáp đã được phản ánh qua văn bia, trong đó có 8 văn bia của giáp (ngoài ra có 1 văn bia Hậu thân ghi về ruộng giáp) với tỷ lệ 9/107 (8,4 %) văn bia về giáp đều ghi việc cúng ruộng vào giáp với số diện tích 6 mẫu, 13 sào, trong đó ruộng do làng giao là 2 mẫu và 100 quan vào năm 1810. Ruộng và tiền làng giao cho giáp được dùng vào việc hội lễ của làng. Với số ruộng của giáp gồm ruộng hậu và ruộng làng giao cho tuy chưa phải là nhiều nhưng với ngày giỗ Hậu thì những sản phẩm từ ruộng Hậu giáp và số tiền giáp cho vay lãi đủ để giáp tổ chức thờ cúng.

- Giáp là tổ chức chủ lực để bộ phận chức dịch làng xã có thể dựa vào trong các công việc cần đến sức lực...

3.3.3. *Hội, phường*

Hội Tư văn, nơi tập hợp những kẻ sĩ, là tổ chức xã hội của nam giới gồm những thành viên là những người học hành và thành đạt qua khoa cử của Nho học. Từ vũ là nơi sinh hoạt thường xuyên của hội Tư văn. Những người đỗ đạt đã được khắc vào văn bia được hội Tư văn tôn vinh và tế lễ. Niên hiệu Cảnh Hưng thứ 6 (năm 1745) ở làng Vân đã có hội Tư văn. Do là trung tâm hành chính của huyện, phân phủ Thiên Phúc đã tác động đến việc thành lập văn chỉ.

- Hội Tư văn ở làng Vân có 87 người. Trong đó văn bia ghi vị trí xã hội có 21/87 (tỷ lệ 24,1 %) người. Số Hương lão trong Hội Tư văn có 8 người, trong đó 1 hương lão là khóa sinh. Phó lý có 5 người. Trong đó có 1 người ghi là “*Phó lý cán bút*”. Lý trưởng 1 người. Học sinh 1 người. Thư lại 1 người. Thông lại 1 người. Đội mục trưởng 1 người. Đội trưởng cán bút 1 người.

- Thành phần Hội Tư văn không chỉ những người đã đỗ đạt, mà cả những người đã từng học chữ Hán Nôm, thậm chí những người chưa học chữ, cũng không có cả chức vụ trong làng xã miễn là đàn ông đáp ứng một số điều kiện cũng được tham gia. Hội Tư văn ra đời, phản ánh vai trò của tầng lớp trí thức trong làng xã Việt Nam truyền thống, là tổ chức xã hội đóng vai trò chủ chốt trong các hoạt động lễ hội, nghi lễ thờ ở đình, đền.

Tổ chức phường ở làng Vân là tập hợp của những người làm cùng một nghề sống với nhau trong một xóm. Nữ giới ở làng Vân là người tham gia trực tiếp trong việc buôn bán, nấu rượu và làm ruộng, do vậy họ tham gia tổ chức phường. Đó là một hình thức của tổ chức tín dụng trong nhân dân của những người cùng một nghề.

- Phường được phân theo địa giới theo xóm ở làng Vân gồm có phường Thượng, Trung, Giữa, Đông. Với vị trí là một làng lại là huyện lỵ, làng Vân tập hợp đông đảo của những người dân vừa mang yếu tố quê, vừa mang yếu tố thị dân. Mỗi gia đình trong phường đều phải đóng góp một khoản tiền theo quy định. Trên cơ sở khoản quỹ của phường cho các thành viên vay lãi để giúp đỡ đời sống và sản xuất. Các thành viên của phường từ việc tham gia tổ chức còn tương trợ, bảo vệ nhau trong cuộc sống.

Các nhà sư và hội Sãi vãi, tầng lớp nhà sư và hội Sãi sãi là hình thức của tổ chức xã hội làng xã có cơ sở kinh tế, vai trò xã hội, văn hóa. Vai trò của tầng lớp này trong đời sống của cư dân làng Vân quan trọng.

- Nhà sư đã tập hợp nhiều thành phần xã hội tham gia vào việc tôn tạo, trùng tu chùa, thực hiện cam kết trong việc nhận gửi và cúng Hậu Phật. Đồng thời họ đã tham gia vào việc chủ của nhiều nghi lễ như cầu an, cầu siêu, tham gia soạn văn bia, viết chữ có 9/107 (tỷ lệ 8, 41%) văn bia do các nhà sư thực hiện. Họ cũng tham gia vào trực tiếp sản xuất bằng các công việc đồng áng với số ruộng Hậu Phật từ năm 1635 đến năm 1916 có 48 mẫu, 6 sào, 3 thước. Các nhà sư đã trực tiếp tham gia sản xuất qua các công việc cày, cấy, thu hoạch lúa. Sư trụ trì là người quản lý mọi công việc. Dưới là các Sa di là những người trực tiếp vừa tu hành, vừa trực tiếp sản xuất. Cơ sở kinh tế của các nhà sư từ số ruộng mà họ trực tiếp sản xuất và số tiền, của do các tín thí công đức. Chính cơ sở kinh tế này giúp duy trì sự ổn định lâu dài của các nhà sư chùa Diên Phúc.

- Hội Sãi vãi ở làng Vân là tập hợp những người phụ nữ đã quy y Tam Bảo. Hội Sãi vãi có tên khác là “hội Lão bà”, “hội Chư bà”, “hội bản tự. Hội Sãi vãi đã tham gia công đức tiền vào việc tu sửa, xây dựng hành lang, tô tượng chùa Diên Phúc nhiều nhất ở thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XVIII. Sự ra đời của hội Sãi vãi đã giúp cho tăng, ni gánh vác nhiều công việc của chùa vào các ngày lễ của Phật giáo, tham gia cầu siêu, cầu an, cúng hậu do nhà sư tổ chức. Tổ chức nhà sư và sự hoạt động của hội Sãi vãi thế kỷ XVII - XIX ở làng Vân thể hiện sự phát triển ngày càng mạnh của Phật giáo trong làng xã.

Hội Hưng công, khác với các hội mang tính ổn định như hội Tư văn, hội Sãi vãi, Giáp... hội Hưng công (興功會) được tập hợp trên cơ sở công việc cụ thể, đó là tập hợp những người “hảo tâm” tham gia vào công việc vận động và thực hiện công đức xây dựng, tu sửa các công trình tôn giáo, tín ngưỡng... Hội Hưng công đã chịu trách nhiệm đứng ra vận động công đức của người dân trong làng và cả ngoài làng. Tùy theo số tiền mà

những người công đức có thể được khắc vào bia để lưu truyền. Tuy tính chất cởi mở hơn các tổ chức hội khác và hoạt động theo công việc, dù hoạt động của hội không bền vững nhưng hội Hưng công ra đời đã đáp ứng công việc xây dựng, tu sửa các công trình kiến trúc.

3.4. Gia đình, dòng họ

3.4.1 Gia đình

- Một gia đình có từ 2 con trai trở lên, cha mẹ bao giờ cũng ở với người con trai trưởng. Cha mẹ mua đất cho người con trai thứ ở phần đất khác nơi ở của mình. Do vậy, không có tình trạng tranh chấp đất sau khi cha mẹ qua đời giữa các anh em. Người con đầu trong gia đình ở làng Vân có vai trò lớn trong việc lo nội trợ, đồng thời cũng là người được truyền nghề nấu rượu, lo việc hương hỏa. Việc truyền bí quyết nghề cho con gái được hạn chế.

- Quan hệ hôn nhân ở làng Vân đa số là quan hệ một vợ một chồng. Người vợ cả được gọi là “Chính thất”, người vợ lẽ được gọi là “Thứ thất”. Với vị trí là một làng nghề, hạn chế đến mức tối đa việc truyền bí quyết nghề rượu ra ngoài làng, do vậy mức độ khép kín về hôn nhân với những trường hợp lấy chồng ngoài làng.

- Trong hoạt động kinh tế, người phụ nữ làng Vân tham gia sản xuất nông nghiệp, làm nghề nấu rượu và buôn bán, khiến cho họ luôn có tài sản. Thống kê từ văn bia, có 53/85 (tỷ lệ 62,3%) ghi riêng người nữ công đức vào chùa để gửi Hậu trong tổng số 85 bia xin bầu Hậu.

3.4.2. Dòng họ

- Theo nguồn sử liệu văn bia, từ năm 1635 đến năm 1926 làng Vân có các họ Đỗ, Diêm, Nguyễn, Trần, Bùi, Ngô, Dương, Đào, Phạm, Lê, Tạ, Hồ. Tuy nhiên, ở làng Vân có một số tộc danh lại bao gồm nhiều dòng họ không cùng nguồn gốc.

- Các dòng họ làng Vân được tính khi có một số tiêu chí sau: Có tộc danh riêng, nếu cùng tộc danh thì tên đệm có quy ước. Trong một dòng họ, con trai và con gái không có quan hệ hôn nhân, đây là điều bắt buộc vì tính theo họ nội. Ngày giỗ tổ của dòng họ thường khác nhau.

- Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) có 12 dòng họ tham gia nghi lễ thề cầm truyền nghề rượu ra ngoài. Điều này phản ánh số lượng 12 dòng họ chỉ đúng ở một thời điểm, do quá trình biến động đã tác động đến số dòng họ có thể tăng hoặc giảm.

- Việc hương hỏa của dòng họ được coi là công việc quan trọng. Một số gia đình không có con trai đã phải bán gia sản kể cả nhà để mua

ruộng xin lập Hậu để lo việc hương hỏa, việc này đã phải họp họ để xin ý kiến.

- Một trong những điều quan trọng của dòng họ ở Vân là tính “Tôn ti trật tự” (Vị trí ngôi thứ đảm bảo thứ tự từ trên xuống dưới), thể hiện qua nhiều mối quan hệ trong sinh hoạt gia đình, dòng họ.

- Những người trong họ đều có thể tham gia vào các tổ chức giáp, Hội Tư văn... Đặc biệt là tham gia nhiều các công việc của làng.

Tiểu kết chương 3

- Xuất phát từ cơ sở kinh tế với loại hình nông, công, thương đã tác động đến tổ chức xã hội ở làng Vân phong phú, đa dạng với các hình thức tập hợp.

- Tổ chức xã hội của các chức dịch như Thôn trưởng, Xã trưởng và các chức dịch khác đại diện cho chính quyền làng xã về mặt hành chính, đồng thời tham gia vào các công việc đại diện, giao tiếp với các làng xã và với chính quyền cấp trên. Đồng thời bộ phận chức dịch còn tham gia nhiều vào việc chủ sự các công việc của làng như chủ lễ, giải quyết các công việc liên quan đến giao kết, ký kết, đốc thúc thu thuế...

- Mỗi hình thức tổ chức và tập hợp cư dân làng Vân đều tương đối độc lập, đều có liên hệ với nhau. Mỗi tổ chức là một yếu tố tạo thành hệ thống cấu trúc xã hội của cư dân làng Vân, có yếu tố mở đó là yếu tố tập hợp cư dân của tổ chức phường, hội Hưng công; có yếu tố đóng kín của dòng họ, có yếu tố vừa mở và khép kín với điều kiện về giới tính, về việc học như tổ chức giáp, hội Tư văn.

- Mỗi tổ chức đều có liên hệ với nhau bởi từng thành viên của mỗi tổ chức và người thân của họ, hàng xóm của họ đều có thể là thành viên của tổ chức.

CHƯƠNG 4

VĂN HÓA

4.1. Khái quát về cảnh quan, kiến trúc làng Vân

- *Địa bạ xã Yên Viên* (làng Vân) năm 1805 cho biết tổng diện tích tự nhiên của xã có 391 mẫu, 6 sào, 2 thước ở thời điểm năm 1805. Bản đồ làng Vân do chính quyền thực dân thiết lập năm 1916 cho biết diện tích của làng có 556 mẫu, 8 sào, 6 thước. Số diện tích trên cho biết làng Vân có diện tích vào hạng trung bình so với các xã ở đồng bằng Bắc Bộ.

- Làng Vân có 3 mặt giáp với dòng sông Nguyệt Đức. Nhìn tổng thể làng Vân kéo dọc chiều dài theo dòng sông sau đó uốn cong theo hình vòng cung. Trong làng Vân có thành đất là lý sở của huyện Yên Việt.

- Nhìn tổng thể, làng bố trí hình răng lược. Đầu làng là cổng thuộc giáp Thượng. Ngoài cổng làng ở ngoài đồng cách cổng khoảng 500 mét là Cầu Nghè. Cầu Nghè được làm khoảng 3 gian. Là nơi nghỉ của nhân dân khi tránh mưa, nắng. Đồng thời, đối với người làng chèo ở ngoài không được mang vào làng mà phải để ở ngoài Cầu Nghè.

- Ngõ của làng nhìn về tổng thể được bố trí song song. Trong mỗi ngõ đều có con chó bằng đá xanh ở đầu ngõ. Một giáp có nhiều ngõ. Vị trí điểm của Giáp được định vị ở đầu của xóm. Các ngõ của làng Vân đều rất hẹp. Qua khảo sát, một ngõ khoảng 1,8 mét.

- Điều đặc biệt làm nên cảnh quan ấn tượng của làng là hệ thống các bến sông. Ngoài nhu cầu là bến đò chuyên chở hàng hóa, khách qua lại còn là nơi phục vụ dân làng sinh hoạt.

4.2. Điều khắc, mỹ thuật

Điều khắc đá: Điều khắc đá ở làng Vân thể hiện chủ yếu qua bia đá. Trong số 107 bia đá ở làng chỉ có một số ít là bia trụ trong đó có bia 4 mặt, 3 mặt. Số còn lại là bia dẹt gồm từ 1 đến 2 mặt được tạo khắc. Trong các bia ở xã Vân Hà có duy nhất 1 bia tượng được khắc hình người được bầu hậu ở chùa tạo năm Vĩnh Thịnh thứ 10 (1714).

- Trong cấu trúc của một bia đá, trán bia có vị trí nổi bật, là vị trí trung tâm, giữa trán và thân bia là tiêu đề bia. Biểu tượng phổ biến ở các trán bia là rồng châu mặt trời có 69/ 107 (tỷ lệ 64,4%); sau đó đến trán bia chạm trời mây có 7/107 (tỷ lệ 6,54%), phượng châu mặt nguyệt có 3/ 107 (tỷ lệ 2,8%); rồng châu chữ thọ 2/107 (tỷ lệ 1,76%), trán chạm búp sen có 2/ 107 (tỷ lệ 1,86%). Số bia còn lại không trang trí có 24/107 (tỷ lệ 22,4%). Các văn bia trang trí trên trán bia hầu như rất ít trang trí giống nhau hoàn toàn về đường nét. Mỗi tấm bia đều có thể giống nhau về chủ đề phổ biến nhưng đường nét, sự uốn lượn chìm nổi của từng trán bia lại mang sự độc đáo, sáng tạo riêng. Thân bia là phần chủ yếu thể hiện văn bia.

- Xét về hình thức có thể nhận định rằng văn bia từ 2 mặt trở lên có niên hiệu từ năm Đức Long thứ 5 (1633) đến năm Cảnh Hưng thứ 37 (1776). Từ cuối niên hiệu Cảnh Hưng, tức là năm Cảnh Hưng 39 (1778) trở về sau văn bia 1 mặt chiếm số lượng chủ yếu. Xét về số lượng có thể nhận định rằng triều Nguyễn phát triển số lượng bia nhiều nhất.

- Trong rất ngõ trong làng, qua khảo sát có nhiều chó đá được đặt ở đầu của mỗi ngõ theo tư thế ngồi hướng mặt ra đường, làm bằng chất liệu đá xanh. Linh vật chó đá được đề “Trần quý, trừ tà, hạn chế trộm cắp” vào ngõ.

Điêu khắc gỗ: Điêu khắc trên chất liệu gỗ ở làng Vân phổ biến, với hệ thống tượng Phật, tạo tác cửa võng, mũ thờ, kiệu, tượng thờ thần. Một số hoạ tiết, trang trí trên cửa võng với chủ đề tứ linh như long, ly, quy, phượng biểu thị sự tôn nghiêm của đối tượng được thờ. Điêu khắc gỗ còn được thực hiện ở việc khắc các ván in kinh, sớ.

4.3. Tôn giáo, tín ngưỡng

4.3.1. Hệ thống đình, đền, điểm với tín ngưỡng thờ thần

- *Đình làng và việc thờ thành hoàng Cao Sơn Đại Vương*

- Đình làng Vân được xây dựng vào niên hiệu vua Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717). Đình là nơi thờ thành hoàng, nơi diễn ra các việc chung của làng, các hoạt động như “xướng ca” (hát), lễ hội, trò chơi... Các chức năng trên luôn hoà quyện, đan xen.

- Thành hoàng làng Vân là đức thánh Cao Sơn. Ngài được thờ ở đình và đền Thượng.

- *Đền Thượng và nơi thờ thành hoàng Cao Sơn Đại Vương:* Đền được xây dựng ở đầu làng Vân thuộc xóm 1 (giáp Đông), phía trước mặt là dòng sông Cầu. Đền cùng với đình thờ đức thánh Cao Sơn đại vương. Đây là ngôi đền ra đời sớm hơn đình.

- *Đền Chính và việc thờ thành hoàng đức thánh Tam Giang:* Đền Chính là một trong 3 ngôi đền của làng Vân, có vị trí nằm ở trung tâm của làng. Nhân vật được thờ ở đền Chính là đức thánh Tam Giang. Đền được xây dựng thời kỳ tiền Lê. Đức thánh Tam Giang là vị thần gắn liền với văn hóa sông nước ở vùng sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, nhiều nhất là dòng sông Cầu.

- *Đền Trung và việc thờ thành hoàng Trịnh Tướng quân,* Đền kiến trúc kiểu chữ Đinh, gồm tiền tế 5 gian và hậu cung 3 gian. Trong khám thờ có tượng Trịnh tướng công, là người đã giúp dân mở bến thông thương, xây chùa, truyền nho giáo. Sau khi mất, Trịnh Tướng quân được an táng ở đồng Lãng, gần chùa Quảng Lâm.

- *Tín ngưỡng thờ thánh sư (tổ nghề):* Người dân làng Vân gọi tổ nghề là Thánh sư, đó là bà Nghi Dịch, người đã truyền nghề nấu rượu cho người dân trong làng. Người dân thờ cùng với bàn thờ tổ tiên trong gia đình. Ngày giỗ Thánh sư và ngày 7 tháng giêng.

- *Điểm làng và việc thờ thần đất,* các ngõ của làng Vân đều có điểm, là nơi sinh hoạt của cả xóm, là nơi hoạt động thường xuyên của tổ chức giáp. Vào các tiết lệ, mọi người trong giáp đến điểm để làm lễ thổ công.

Từ chỉ và nơi thờ Khổng Tử và các vị tiên hiền: Từ vũ là nơi hoạt động của Hội Tư văn thờ Khổng Tử và các vị Tiên hiền, được xây dựng ở xóm Thượng từ năm Canh Tuất (1730) đến năm Ất Sửu (1745). Một số quan tỉnh Bắc Ninh như Án sát tỉnh Bắc Ninh là Phan Thứ Lang, quan huyện Bùi Bá Kỳ là những vị quan được thờ ở Từ chỉ.

4.3.2. Các ngôi chùa và Phật giáo làng Vân

Chùa Diên Phúc: Văn bia tạo năm Đức Long thứ 7 (1635) cho biết từ chùa Diên Phúc đến địa phận Đồng Tròn là đất của tướng quân họ Trịnh. Chùa Diên Phúc có 31 văn bia liên quan đến việc xây dựng các công trình trong chùa, sửa chữa, tôn tạo, hiến đất vườn nhập vào chùa, trong đó có 27 bia phản ánh liên quan đến việc hưng công, xây dựng liên quan đến chùa Diên Phúc.

Chùa Khánh Độ: Chùa được xây dựng sớm, quy mô lớn như chùa Diên Phúc làng Vân (Yên Viên); chùa Quảng Lâm (chùa Độc), chùa Khánh Độ được xây dựng trước năm 1706. Đến các năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), chùa Khánh Độ được trùng tu.

Chùa Quảng Lâm: Chùa Quảng Lâm còn gọi là chùa Độc. Đây là ngôi chùa được xây dựng ở đồng Độc, giáp với Thổ Hà. Ngôi chùa Quảng Lâm là nơi diễn ra nghi lễ thẻ cấm truyền rượu ra ngoài làng với sự tham gia của Hội đồng kỳ mục; các chức dịch, 4 giáp, 12 dòng họ trong làng. Việc tham gia lễ thẻ cấm truyền rượu với việc giết gà, uống rượu ở chùa càng chứng minh sự đan xen giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian làng xã.

- Việc trùng tu, xây dựng các công trình kiến trúc, tôn giáo, tín ngưỡng ở làng Vân có nhiều tầng lớp trong xã hội tham gia.

- Thế kỷ XVII - XVIII, Phật giáo làng Vân có sự hòa đồng với Nho giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian.

4.3.3. Tín ngưỡng thờ tổ tiên và việc hương hỏa trong gia đình, dòng họ

- Việc thờ cúng tổ tiên và lo hương hỏa của người dân làng Vân là công việc quan trọng, đã tác động đến quan hệ hôn nhân, bầu Hậu... thể hiện qua văn bia với nhiều hình thức lo hương hỏa cho người thân.

4.4. Giáo dục khoa cử

Chính sách của Nhà nước đối với Nho giáo cùng với sự phát triển tự thân của nhu cầu học tập và sự phát triển đã tạo điều kiện để trường học ở làng Vân ra đời vào năm Tự Đức thứ 23 (1870). Năm Tự Đức thứ 13 (1860) ở làng Vân các thành viên của hội Tư văn đã đổi ruộng, ao để mở

rộng văn chỉ. Không chỉ dạy và học ở trường, làng Vân có một số hình thức dạy và học khác.

4.5. Văn học viết và văn học dân gian

Văn học viết, biểu hiện phong phú qua việc thi văn, văn học viết làng Vân còn được thể hiện qua các văn bản: Văn bia, văn tế, câu đối, hoành phi... Văn bia ở làng Vân chủ yếu được viết bằng chữ Hán. Trong những trường hợp ghi tên người, tên đất, tên xứ đồng khi tiến hành kê khai ruộng đất hương hoả, thì một số được viết bằng chữ Nôm.

Văn học dân gian, Phản ánh cuộc sống của người làng Vân, nhân dân trong vùng trong đó có làng Vân đã sáng tác nhiều ca dao, dân ca về nghề nghiệp của làng Vân. Lối nói ví mang tính biểu tượng, đặc trưng của từng làng trong vùng đã được nhân dân đúc kết về con người và cảnh vật làng Vân.

4.6. Lễ hội

- Lễ hội làng Vân tổ chức hội từ ngày 22 đến 24 tháng 4 hằng năm.

- Nguồn gốc của vật cầu nước bắt nguồn từ truyền thuyết về thánh Tam Giang đánh quỷ. Tưởng nhớ công lao của hai vị thánh Trương Hồng và Trương Hát, người dân làng Vân đã lấy ngày hóa của các Ngài để mở hội vật cầu với ý nghĩa là hội mừng chiến thắng.

- Lễ hội đền Chính làng Vân mở hội vật cầu trong 3 ngày từ 22 đến 24 tháng 4.

- Trong lễ hội đền Chính dân làng còn tổ chức thi bơi chải trên khúc sông Nguyệt Đức trước cửa đền Chính.

4.7. Một số tục lệ

4.7.1. Lệ lập Hậu

- Hậu thần, Hậu Phật, Hậu hiền, Hậu giáp là những người đóng góp tiền, ruộng, đất cho làng xã do không có người thờ tự, hoặc để được ghi danh với làng, được làng xã công nhận khắc bia ghi công lao, ghi nhận việc lập Hậu. Từ đó người được lập Hậu được phối thờ và thờ sau thần, Phật, thánh hiền ở đình, chùa, văn chỉ...

- Tổng số văn bia làng Vân gồm 85/107 (tỷ lệ 79,4 %) là bia lập bầu Hậu, gửi giỗ. Hậu được thể hiện qua văn bia là hậu Phật, Hậu giáp, hậu Thần, hậu Hiền. Trong đó văn bia Hậu Phật có 74/85 (tỷ lệ 87 %). Sau đó là bia Hậu giáp 8/85 chiếm tỷ lệ 9,4 %, bia Hậu thần 2/85 (tỷ lệ 2,3 %); bia Hậu hiền có 1/85 (tỷ lệ 1,1 %).

- Những người xin bầu Hậu không những chỉ có ở làng Vân (xã Yên Viên) mà còn có ở nơi khác như ở xã Thổ Hà... Tham gia vào việc gửi

Hậu, bầu Hậu, gửi giỗ gồm nhiều thành phần khác nhau như trụ trì chùa, các sãi vãi, quan phủ, huyện, chức dịch tổng, xã. Nếu xét theo giới có 53/85 văn bia ghi riêng người nữ, chiếm tỷ lệ 62,3%. Nam giới có 18/85 chiếm tỷ lệ 21,1%. Số còn lại là 14/85 văn bia ghi gia đình gồm cả vợ chồng, dòng họ tham gia, chiếm tỷ lệ 16,4%. Việc công đức vào chùa để được làm hậu Phật chủ yếu là phụ nữ thực hiện. Các việc công đức vào đình để được bầu là hậu Thần chủ yếu do nam giới thực hiện.

- Số ruộng và tiền cúng hậu từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX có 48 mẫu, 8 sào, 3 thước, trong đó 2 mẫu là ruộng Hậu thần, 4 mẫu, 2 sào 13 thước là ruộng của giáp, còn lại ruộng của nhà chùa. Số tiền do những người được bầu Hậu cung tiền có 145 quan tiền cổ; 291 quan tiền; 110 quan tiền sử; 890 quan tiền văn; 4.667 quan Thanh tiền; 484 tiền văn; 6 vạn tiền 460 quan 85 tiền Nam; 100 xâu tiền; 15 mạch. Với nguồn tiền trên là cơ sở để chức dịch làng xã, nhà sư, giáp, Hội Tư văn tổ chức xây dựng, tu sửa chùa, đình, điểm... đồng thời dùng lệ phí để giỗ Hậu, trả sưu thuế. Lệ bầu Hậu ở làng Vân phát triển liên tục từ thế kỷ XVII - XIX.

4.7.2. Lệ kết chạ với làng Đống Gạo

Đến năm Chính Hòa thứ 26 (1705), hai làng Vân và Đống Gạo “kết chạ” với nhau thông qua bản *Nhị xã giao ước* vẫn có trong *Yên Viên xã tục lệ* (安園社俗例).

4.7.3. Lệ cưới hỏi, lệ tang ma

Lệ cưới hỏi: khi người con trai, con gái lên 6 tuổi (khi người nam giới 6 tuổi vào giáp), cha mẹ đã lo cho con việc hôn nhân. Từ khi chọn được đám đều do gia đình sắp đặt đến khi cưới là cả một khoảng thời gian khá dài. Khi người nam giới đến 12 tuổi được cha mẹ lo ăn hỏi. Từ 12 tuổi đến 16 tuổi (có khi 15 tuổi) là khoảng thời gian hai bên gia đình nhà trai và nhà gái thường quan hệ qua lại. Nhà trai mỗi mùa phải đến nhà gái thăm hỏi và mang theo lễ vật hoặc quà biếu. Sau đó, chàng rể đủ 15 hoặc 16 tuổi được gia đình lo đám cưới.

Lệ tang ma, đối với người mất ở ngoài làng, làng đã quy định không được đưa vào trong làng mà phải lo việc ở cầu Nghè có vị trí ngoài làng. Việc cử hành tang lễ được giáp phân công những người đàn ông trong giáp bàn việc ở điểm là trụ sở của giáp. Tang lễ được tiến hành vào buổi chiều, mùa hè tiến hành từ 5 đến 6 giờ chiều. Mùa đông tiến hành từ 4 đến 5 giờ. Buổi trưa, tang chủ bày cỗ mời giáp đến ăn.

Tiểu kết chương 4

- Về cảnh quan kiến trúc làng Vân thế kỷ XVII- XIX vừa mang yếu tố của một làng quê vừa mang yếu tố của một lỵ sở của huyện và phân phủ Thiên Phúc. Thế kỷ XVII - XIX, sự phục hưng mạnh mẽ văn hóa làng với sự đan xen Nho - Phật - Đạo để lại nhiều dấu ấn trong các công trình kiến trúc văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng ở làng Vân. Với hệ thống di tích ở làng, điêu khắc bia đá, điêu khắc gỗ đã thể hiện sự phong phú về mỹ thuật làng Vân qua chạm khắc đá, gỗ với sự kết hợp giữa mỹ thuật cung đình và dân gian.

- Ngoài yếu tố văn hóa bản địa trong việc thờ thần, thờ thành hoàng còn có yếu tố du nhập trước sự tác động của của Nho giáo.

- Đội ngũ nho sĩ làng Vân đã có nhiều đóng góp cho văn hóa làng các bài văn, bài ký, bài phú... để để lại làm phong phú văn hóa làng.

- Thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XVIII, văn hóa làng Vân có sự phát triển hoà đồng giữa Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Sang thế kỷ XIX Nho giáo trước nhu cầu của quản lý làng xã đồng thời giáo dục khoa cử đã phát triển hưng thịnh.

- Đời sống văn hóa tinh thần của người dân trong làng mang đặc trưng văn hóa Việt với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong gia đình, dòng họ và việc hương hỏa, bầu và lập Hậu. Đời sống văn hóa tinh thần còn được biểu hiện phong phú qua lễ hội và các tục lệ của làng. Là một làng có nhiều tiết lệ, đặc biệt có lệ vật cầu nước, lệ bơi chải thể hiện quá trình ứng xử với thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm qua các thời kỳ lịch sử.

KẾT LUẬN

Làng Vân từ thế kỷ XVII - XIX là một làng ven sông, là lỵ sở của huyện Yên Việt (sau đổi thành huyện Việt Yên), trước những điều kiện đó đã tác động đến kinh tế, xã hội và văn hóa làng Vân ở những thế kỷ này.

1. Về kinh tế, làng Vân thế kỷ XVII - XIX trước tác động của điều kiện tự nhiên và bối cảnh lịch sử đã có nhiều lĩnh vực kinh tế như nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp. Với địa hình đất ven sông, ruộng đất làng Vân được chia làm hai loại hình rõ rệt. Loại hình ruộng ven sông có phù sa màu mỡ nhưng số lượng ít trong khi đó loại ruộng vụ thu chiếm phần lớn nhưng năng suất thất thường do dễ bị ngập úng. Tại loại ruộng này, đã tập trung vào một số chủ sở hữu lớn, một số chủ sở hữu đã phân canh, một số đã đến Vân phụ canh. Một bộ phận lớn nhân dân đã không trực tiếp làm ruộng. Điều này cho biết, trồng trọt không phải là nghề chính nuôi sống cư dân làng Vân thế kỷ XVII - XIX. Nhưng với quan niệm truyền

thống, người dân làng Vân vẫn giữ ruộng, gắn với ruộng, dù năng suất thấp và ít về diện tích này đã đáp ứng phần nào cho đảm bảo lương thực, cung cấp dù rất ít cho nguyên liệu nấu rượu, rơm rạ cho trâu bò cày kéo.

Nghiên cứu về thủ công nghiệp làng Vân thế kỷ XVII - XIX cho thấy nghề nấu rượu là nghề rất quan trọng của cư dân làng Vân. Nghề nấu rượu có gắn liền với trồng lúa. Tuy nhiên, người làng Vân đã có những hộ thoát ly khỏi việc trồng lúa bằng việc thuê mướn người làm ruộng. Sản phẩm gạo dù không thể đủ để nấu rượu. Bã rượu dùng để chăn nuôi. Chính chu trình này đã góp phần làm cho nghề nấu rượu ở làng Vân tồn tại lâu dài. Để bảo tồn nghề rượu, cư dân làng Vân đã phải đối phó với chính sách của Nhà nước ở từng thời kỳ, mặt khác phải lo đối phó với việc cạnh tranh với các làng nghề nấu rượu ở vùng, miền, dân làng dùng nhiều quy ước cấm truyền bí quyết nghề rượu ra khỏi làng.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, với vị trí thuận lợi, là lý sở của chính quyền huyện, phân phủ Thiên Phúc kéo dài từ thời Lê đến thời Nguyễn đã làm cho thương nghiệp làng Vân phát triển đa dạng trong bối cảnh lịch sử từ thế kỷ XVII - XIX. Là trung tâm kinh tế, chính trị của huyện Yên Việt (sau đó là huyện Việt Yên) đã làm cho giao thương làng Vân vừa mang yếu tố liên làng, vừa mang yếu tố thị tứ, huyện lỵ. Chợ làng và hệ thống bến đò ra đời trong bối cảnh như cầu của sự trao đổi mua bán của một huyện lỵ bên sông để đáp ứng như cầu trao đổi rượu, gạo và các sản phẩm phục vụ cuộc sống. Từ sự phát triển của nghề nấu rượu với sản phẩm là rượu, gần với làng Thổ Hà là nơi có nghề cang gổm phát triển để có đồ đựng rượu, chợ Vân và hệ thống bến sông ở Vân trong nền cảnh hệ thống chợ quê ở vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, đồng thời chợ Vân là điểm giao thương của liên làng, liên vùng theo hệ thống đường sông. Chính yếu tố này làm cho sự bền vững của lý sở của chính quyền phong kiến, đồng thời là hệ quả cho sự phát triển kinh tế giao thương trong bối cảnh chung của thế kỷ XVII - XIX. Từ sự giao thương này đã tạo cho diện mạo làng Vân mang yếu tố mở, yếu tố năng động của một làng Việt cổ truyền không phải nơi nào cũng có được.

2. Tổ chức xã hội làng Vân thế kỷ XVII - XIX có những nét riêng. Xã hội làng Vân mang đặc trưng của các tổ chức xã hội theo chức năng, giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, khu vực sinh sống. Gia đình, dòng họ trong làng Vân được đảm bảo chặt chẽ trong đó có quyền của gia trưởng, trưởng tộc với nhiệm vụ lo việc hương hỏa, giáo dục mọi người trong dòng họ, đồng thời đại diện trước dòng họ với làng tham gia nghi lễ thờ cúng truyền rượu ra ngoài làng. Do vậy “nội hôn trong làng” diễn ra ở các dòng họ đã

tồn tại lâu dài mà trưởng họ có vai trò quan trọng trong việc can thiệp đến hôn nhân của mọi người trong họ. Sự ràng buộc vô hình này đã đảm bảo cho nghề rượu không bị mất bí quyết của gia đình, dòng họ và của làng.

Bộ máy quản lý của hội đồng kỳ lão, các chức sắc làng Vân bắt đầu phát triển từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX đã phát triển hoàn thiện với đầy đủ các vị trí trong hệ thống. Bộ phận này đã tham gia hầu hết mọi công việc trong làng ở những lĩnh vực khác nhau. Ngày càng trở nên công kênh với nhiều vị trí và sự đua chen ở làng Vân để được vào những vị trí này. Để đảm bảo hoạt động cho thuận tiện, bộ phận chức sắc làng xã đã quan tâm đến những quy định của làng nhằm ràng buộc mọi người phải tuân theo.

Ở làng Vân có sự hoạt động mờ nhạt của xóm, mà đó chỉ là nơi mọi người cư trú. Nhưng sự ra đời của tổ chức giáp, phường (họ) đã tháo gỡ và giáp đã đáp ứng nhu cầu, hoạt động của mọi người nam giới trong 4 xóm thành 4 giáp. Là những người chủ lực trong mọi công việc của làng, tổ chức giáp đã tham gia các công việc cần đến sức lực như đắp đê, làm đường... đại diện tham gia các nghi lễ cấm truyền rượu ra ngoài làng, đồng thời phục dịch cho hội tư văn và các chức dịch khi đến ngày lễ hội... Tổ chức hội Tư văn ở làng Vân ra đời đã đáp ứng được các công việc liên quan đến giáo dục khoa cử và Nho học của làng giao cho. Sự phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ XVIII đến XIX khi Nho giáo được chính quyền trung ương phục hồi phát triển mạnh đã tác động đến hội Tư văn của làng đã có đến 87 thành viên. Nếu như Hội Tư văn là tổ chức của những người đàn ông theo Nho giáo, giáp là tổ chức của giới nam hoạt động theo nghề; các chức dịch làng xã hoàn toàn là người Nam thì tổ chức hoạt động của phường (tổ chức nghề nghiệp) và tổ chức của Hội Sãi vãi, Hội Hưng công có sự góp mặt của người phụ nữ. Họ là thành phần chủ lực của các tổ chức hội này.

3. Thế kỷ XVII - XIX là những thế kỷ phục hưng và hưng thịnh của văn hóa làng Vân. Yếu tố văn hóa truyền thống của làng là tín ngưỡng dân gian của vùng sông nước và cư dân nông nghiệp lúa nước phát triển hài hòa đan xen với các yếu tố văn hoá Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo. Yếu tố Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc vào đời sống làng xã kéo theo nhiều thành phần trong xã hội tham gia trong việc xây dựng các ngôi chùa làng. Trước nhu cầu và sự ảnh hưởng của truyền thống khoa cử của huyện Việt Yên và Kinh Bắc, nhu cầu giáo dục khoa cử luôn là sự trăn trở của cư dân. Trường học đã ra đời đáp ứng nhu cầu giáo dục đào tạo nhân tài theo nho giáo, phục vụ đắc lực cho việc đào tạo tầng lớp kẻ sĩ của làng. Văn hóa dân gian làng Vân phong phú đa dạng với ca dao, tục ngữ ca ngợi phong cảnh, con người của làng. Đời sống văn hóa tinh thần phong phú thể hiện qua tục thờ cúng tổ

tiên, tục bầu Hậu, lễ hội...tạo nên nét đặc trưng văn hóa làng Vân thế kỷ XVII - XIX vừa mang những nét chung của văn hóa Kinh Bắc, vừa mang nét đặc trưng riêng của làng Vân.

4. Với vị trí là trung tâm huyện lỵ và phân phủ Thiên Phúc thế kỷ XVII - XIX, là nơi có điều kiện giao lưu kinh tế với vùng rừng núi, vùng biển và nhiều nơi trong vùng đã tạo cho văn hoá làng Vân có yếu tố mở, giáo lưu văn hóa. Là vùng sông nước, vùng thường xuyên có vị trí chiến lược phải đối phó với giặc phương Bắc, cư dân làng Vân sớm phải chống giặc ngoại xâm, chống chịu với thiên nhiên hà khắc, những yếu tố đó đã tác động các sinh hoạt văn hóa làng qua lễ hội. Với lễ hội vật cầu nước xen yếu tố văn hóa phồn thực với chống giặc ngoại xâm tạo nên nét độc đáo văn hóa làng. Những yếu tố này đã phát triển hưng thịnh vào thế kỷ XVII - XIX. Những phát sinh trong bảo vệ xóm làng trước giặc, tháo gỡ khó khăn trong cuộc sống đã tạo nên yếu liên kết làng qua tục “kết cha” giữa làng Vân và làng Đông Gạo. Vừa giữ vững yếu tố bản địa của văn hóa làng Việt ở những thế kỷ trước, kế thừa những yếu tố ngoại nhập có biến đổi phù hợp đã tạo nên đặc sắc của văn hóa làng Vân ở thế kỷ XVII - XIX.

5. Kết quả nghiên cứu về kinh tế, xã hội và văn hóa làng Vân từ thế kỷ XVII - XIX góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn mới. Trong lĩnh vực kinh tế có nhiều vấn đề đặt ra trong quy hoạch đồng ruộng nhất là đối với chủ trương “dồn điền đổi thửa” ở tỉnh Bắc Giang. Trong đó, từ việc nghiên cứu về sở hữu ruộng đất và đặc điểm ruộng đất, cần khắc phục tính chất manh mún của ruộng đất. Do ruộng chỉ cấy được một vụ, tính chất mặt nước là đặc điểm chủ yếu do vậy cần quy hoạch tận dụng trong nuôi các loại thủy sản, tập trung dồn điền đổi thửa tạo cho sản xuất lớn. Đối với nghề sản xuất rượu cần bảo tồn nhiều loại men, kỹ thuật nấu rượu cổ truyền nhằm xây dựng thương hiệu rượu làng Vân, tránh bị lợi dụng rượu làng Vân làm mất thương hiệu, uy tín của làng nghề. Bảo tồn nghề rượu còn giúp cho vệ sinh, an toàn thực phẩm, tránh tác hại về đồ uống có cồn sản xuất không đảm bảo an toàn và các loại men không tốt chất làm nguy hiểm cho sức khỏe con người mà cuộc vận động về an toàn thực phẩm đang trở thành vấn đề thời sự hiện nay.

Trong lĩnh vực quản lý xã hội, cần thấy rõ tính chất đặc điểm của tổ chức xã hội và các hình thức tổ chức với từng vị trí, vai trò, chức năng trên cơ sở đó vận dụng các chính sách xã hội phù hợp.

Các giá trị văn hóa truyền thống của làng Vân hiện nay đã và đang được bảo tồn. Vấn đề đặt ra là cần hiểu sâu hơn về các giá trị văn hóa trở thành truyền thống tốt đẹp của làng Vân, để từ đó có giá trị định hướng lâu dài trong xây dựng và bảo tồn văn hóa truyền thống ở thời kỳ mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Ngô Văn Cường (2015): *Phật giáo trong đời sống người dân làng Vân thế kỷ XVII- XIX qua nguồn sử liệu văn bia*, Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo, 7 (145), 2015.
2. Ngô Văn Cường (2016): *Lệ bầu hậu qua văn bia làng Vân*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, 382 (2016).
3. Ngô Văn Cường (2016): *Vài nét về một số loại hình tổ chức xã hội và tập hợp cư dân làng Vân từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX qua văn bia*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 7 (483), 2016.